seeds, with a black spot at the top of the seed. The mature seeds were collected and used in the experiment immediately. The experiment was arranged with 3 replications, each treatment sown with 30 seeds. The results showed that the seedcoat of Ngoc Linh ginseng fruits was removed after harvesting and then kept drying in shadow condition in sevaral days to stimulate seed germination; the substrate for nursury composed of natural forest soil and mountain humus with the ratio of 1: 1; the suitable season for sowing were in August 15th to August 30th. The appropriate sowing distance was 3 × 5 cm.

Keywords: *Panax Vietnamensis*, seed propagation, germination rate

Ngày nhận bài: 05/7/2020
Ngày phản biện: 19/7/2020
Người phản biện: PGS. TS. Lê Hùng Lĩnh
Ngày duyệt đăng: 23/7/2020

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI VƯỜN QUỐC GIA U MINH HẠ - CÀ MAU

Trần Thị Liên[1], Lý Ngọc Sâm[2], Cao Ngọc Giang[1],
Trần Minh Ngọc[1], Ngô Thị Minh Huyền[1], Nguyễn Minh Hùng[1],
Nguyễn Xuân Trường[1], Lê Đức Thanh[1], Hoàng Thị Như Nụ[1]

TÓM TẮT

Vườn Quốc gia U Minh Hạ là một trong những kiểu rừng úng phèn, đầm lầy than bùn quan trọng còn sót lại và được công nhận là 1 trong 3 khu bảo tồn đất ngập nước ưu tiên cao nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nhờ có hệ sinh thái khá đa dạng nên đây là nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã và của nhiều loài thực vật, trong đó phải kể đến là các loài thực vật dùng làm thuốc. Kết quả điều tra đã ghi nhận có 190 loài cây thuốc thuộc 160 chi, 75 họ, 2 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Pteridophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Hai họ có số loài nhiều nhất là họ Cúc 18 loài và họ Đậu 12 loài. Dạng thân của cây thuốc được chia làm 6 nhóm, trong đó dạng thân thảo chiếm số lượng lớn nhất là 108 loài chiếm 56,84 %. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì bộ phận cả cây được sử dụng nhiều nhất với 98 loài chiếm 51,58%. Nhóm thuốc chữa các bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu có nhiều loài nhất (110 loài). 2 loài cây thuốc nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) là loài Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) ở mức sẽ nguy cấp (VU A2c, B1 + 2a,b) và loài Bí kỳ nam (*Hydnophytum formicarum* Jack.) ở mức nguy cấp (EN Alb, d, Bl + 2b,e), một loài nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP thuộc nhóm II hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại là loài Lõi tiền (*Stephania longa* Lour.)

Từ khóa: Dược liệu, đa dạng cây thuốc, vườn Quốc gia U Minh Hạ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn quốc gia U Minh hạ nằm cách thành phố Cà Mau vào khoảng 30 km về phía Bắc, nằm trên địa bàn các xã Khánh Lâm, Khánh An (huyện U Minh), Khánh Bình Tây Bắc, Trần Hợi (huyện Trần Văn Thời). Vị trí của vườn quốc gia U Minh Hạ với tọa độ địa lý: Từ 9°12'30" đến 9°17'41" vĩ độ Bắc và từ 104^{0}54' 1" đến 104°59'16" kinh Đông.

Vườn được thành lập theo Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 20/01/2006 về việc chuyển đổi Ban Quản lý rừng Đặc dụng Vồ Dơi thành Vườn Quốc gia U Minh Hạ có tổng diện tích 8.527,8 ha bao gồm 3 phân khu chức năng: phân khu bảo tồn hệ sinh thái trên đất than bùn với diện tích 2.592,6 ha; phân khu phục hồi và sử dụng hệ sinh thái trên đất ngập nước 5.134,2 ha; phân khu dịch vụ hành chính có diện tích 801 ha. Ngày 26/5/2009, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận VQG U Minh Hạ là một trong 3 vùng lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Ngoài ra, Vườn Quốc gia U Minh Hạ có hệ sinh thái và nguồn tài nguyên sinh vật khá đa dạng và phong phú, cụ thể có 176 loài thực vật thuộc 65 chi 36 họ; Hệ động vật có 23 loài thú, 91 loài chim, 36 loài bò sát, 11 loài lưỡng cư; Về thủy sản có 37 loài cá thuộc 19 họ với 4 loài có trong Sách đỏ Việt Nam.

Viện Dược liệu được Chương trình Tây Nam Bộ phê duyệt đề tài: "Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ" nhằm điều tra, tư liệu hóa danh mục các loài cây thuốc thiết yếu có giá trị sử dụng, phân bố tại Vườn quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau.

[1] Viện Dược liệu; [2] Viện Sinh học Nhiệt đới

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các thực vật bậc bao cao có mạch tại Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung để điều tra cây thuốc áp dụng theo Quy trình điều tra dược liệu của Viện Dược Liệu (2006).

- Điều tra theo tuyến: Bản đồ địa hình và hiện trạng rừng VQG U Minh Hạ, và máy định vị (GPS) được sử để xác định các điểm và các tuyến điều tra. 7 tuyến điều tra đã được thiết lập đi qua các kiểu địa hình, các quần xã thực vật ở các hệ sinh thái đặc trưng ở VQG để khảo sát thành phần loài cây thuốc (Bảng 1). Thu mẫu và ghi nhận tất cả các loài cây thuốc xuất hiện ở dọc hai bên tuyến trong phạm vi mỗi bên 10 m.

- Xác định tên khoa học các loài cây thuốc theo phương pháp so sánh hình thái cổ điển và sử dụng khóa phân loại trong các bộ thực vật chí hiện có. Chỉnh lý tên khoa học theo các tài liệu tra cứu chuyên ngành: Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000), Đỗ Huy Bích và cộng tác viên (2013), Danh lục cây thuốc Việt Nam (Viện Dược liệu, 2016) và được điều chỉnh và cập nhật lại mới theo danh pháp Quốc tế dựa vào các website dữ liệu chuyên ngành thực vật như the plantlist.

- Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của của các loài cây thuốc: theo Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Thu mẫu tiêu bản cây thuốc: Các tiêu bản cây thuốc được thu thập và xử lý theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) và được lưu giữ tại Phòng tiêu bản Khoa Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược liệu.

- Công dụng của từng cây thuốc được xác định dựa trên tên khoa học đã được định danh và tra cứu trong ba tài liệu chuyên ngành về cây thuốc: Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Cây thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2006), Cây thuốc và động vật làm thuốc (Viện Dược liệu, 2013).

- Xử lý số liệu: Số liệu thu thập các thông tin tài nguyên cây thuốc được nhập và xử lý bằng phần Microsoft Excel 2010 để đánh giá tính đa dạng thành phần loài cây thuốc.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian điều tra: Từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019.

- Địa điểm điều tra: Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau.

Với số lượng 7 tuyến điều tra được thiết lập để thu thập số liệu, thu mẫu tiêu bản một cách đầy đủ và đại diện cho các kiểu sinh thái khác nhau. Dựa vào bản đồ hiện trạng và đặc điểm địa hình, thiết lập các tuyến thu mẫu sao cho tuyến đường đi phải xuyên qua các môi trường sống của khu nghiên cứu, nghĩa là các tuyến đó cắt ngang các vùng đại diện cho khu vực nghiên cứu. Từ tuyến chính, các tuyến phụ theo kiểu xương cá được mở về hai phía. Trung bình 1,5 km chiều dài của tuyến chính lại có 2 tuyến phụ được mở ra. Trên mỗi tuyến, tiến hành điều tra tất cả các loài thực vật bậc cao có mạch nằm ở phạm vi 10 m mỗi bên.

Bảng 1. Các tuyến khảo sát cây thuốc tại VQG U Minh Hạ

STT	Kế hoạch khảo sát	Địa điểm điều tra
1	Tuyến 1	Kênh Trung tâm
2	Tuyến 2	Khu bảo tồn nghiêm ngặt; Kênh 19 đến kênh đứng ngoài
3	Tuyến 3	Kênh 19 đến kênh Trung tâm (khu T600)
4	Tuyến 4	Khu phục hồi sinh thái
5	Tuyến 5	Kênh đứng ngoài (T21 - T27)
6	Tuyến 6	Kênh T23 (93 - 106)
7	Tuyến 7	Kênh T96 (21 - 27); Kênh T93 (21 - 27)

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng số loài cây thuốc ghi nhận được

Tổng hợp các kết quả điều tra thực địa kết hợp với việc đối chiếu so sánh các kết quả nghiên cứu tại VQG U Minh Hạ đã thống kê được 190 loài trong 160 chi của 75 họ thuộc 2 ngành thực vật bậc cao có mạch dùng làm thuốc. Bảng 2 cho thấy sự phân bố của các taxon cây thuốc trong hai ngành là không đều, chủ yếu tập trung ở Ngọc lan (Magnoliophyta) với 68 họ chiếm 90,67% tổng số họ, 152 chi chiếm 95% tổng số chi, 182 loài chiếm 95,8% tổng số loài. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 7 họ chiếm 9,33% tổng số họ, 8 chi chiếm 5% tổng số chi, 8 loài chiếm 4,2% tổng số loài. Trong ngành Ngọc Lan thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu chế vượt trội với 144 loài (khoảng 75,8% trên tổng số loài cây thuốc

đã ghi nhận được), 119 chi (chiếm 74,38%), 51 họ (chiếm 69%); lớp Hành (Liliopsida) với 38 loài (chiếm 20%), 33 chi (chiếm 20,63%), 17 họ (chiếm 22,67%). Tỷ lệ lớp Ngọc lan/lớp Hành là 5,1 : 1,7 điều này cho thấy lớp Ngọc lan đóng vai trò chủ đạo của hệ thực vật làm cây thuốc và ngành Ngọc lan chiếm ưu thế trong toàn khu hệ thực vật. Các loài thực vật dùng làm thuốc phần lớn phân bố trong tự nhiên, một số ít được ghi nhận trồng trong các hộ dân sinh sống quanh khu vực Vườn Quốc gia.

Bảng 2. Số lượng loài cây thuốc trong các ngành thực vật tại VQG U Minh Hạ

STT	Ngành và Lớp	Họ		Chi		Loài		Nguồn gốc	
		Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*	*Mọc tự nhiên*	*Trồng*
1	Ngành Dương xỉ (Pteridophyta)	7	9,33	8	5,0	8	4,2	8	0
2	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	68	90,67	152	95	182	95,8	150	32
	Lớp Hành - (Liliopsida)	17	22,67	33	20,63	38	20	27	11
	Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	51	68	119	74,38	144	75,8	123	21
	Tổng số	*75*	*100*	*160*	*100*	*190*	*100*	*158*	*32*

Cà na
Elaeocarpus hygrophilus Kurz

Lõi tiền
Stephania longa Lour

Kỳ nam kiến
Hydnophytum formicarum Jack
(Ảnh do Cao Ngọc Giang chụp tại vườn Quốc gia UMH).

Hình 1. Ba loài cây thuốc thuộc diện quý hiếm cần được bảo tồn

Nhóm nghiên cứu đã ghi nhận bổ sung cho Vườn Quốc gia U Minh Hạ thêm 14 loài thực vật có công dụng làm thuốc. Trong 190 loài ghi nhận được có 2 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 1 loài ở mức sẽ nguy cấp (VU A2c, B1 + 2a,b) là loài Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz), 1 loài ở mức nguy cấp (EN Alb, d, Bl + 2b,e) là loài Kỳ nam kiến (*Hydnophytum formicarum* Jack.) và 1 loài thuộc nhóm IIA Nghị định 06/2019/NĐ-CP hạn chế khai thác là loài Dây lõi tiền (*Stephania longa* Lour.).

3.2. Sự phong phú và đa dạng ở các bậc taxon

Như trên đã đề cập, tổng số 190 loài cây thuốc thuộc 160 chi, 75 họ thuộc hai ngành thực vật. Trong đó, có 13 họ giàu loài nhất có từ 5 loài đến 18 loài (Bảng 2).

Bảng 3. Các họ thực vật có nhiều loài cây thuốc tại vườn Quốc gia U Minh Hạ

STT	Họ thực vật	Số loài	Tỷ lệ %
1	Compositae	18	9,47
2	Leguminosae	12	6,32
3	Amaranthaceae	7	3,68
4	Araceae	7	3,68
5	Acanthaceae	7	3,68
6	Malvaceae	7	3,68
7	Lamiaceae	7	3,68
8	Apocynaceae	6	3,16
9	Rubiaceae	6	3,16
10	Zingiberaceae	5	2,63
11	Poaceae	5	2,63
12	Euphorbiaceae	5	2,63
13	Phyllanthaceae	5	2,63

Trong 13 họ được thống kê ở trên, có hai họ giàu loài nhất là họ Cúc (Compositae) có 18 loài chiếm 9,47% tổng số loài, kế đến là họ Đậu (Leguminosae) có 12 loài chiếm 6,32% tổng số loài. 11 họ còn lại có số lượng loài giao động trong khoảng từ 5 - 7 loài chiếm 35,26%. Ngoài 13 họ trên thì có 20 họ có số lượng loài giao động 2 - 4 loài chiếm 26,84% và có tới 42 họ chỉ có 1 loài chiếm 22,11% trên tổng số loài.

Trong 160 chi có 7 chi có số lượng loài cao nhất như *Alternanthera, Annona, Crinum, Euphorbia, Ficus, Phyllanthus, Senna* (3 loài/chi, chiếm 11,05 % tổng số loài), với số lượng 2 loài/chi thì có 16 chi chiếm 16,84% tổng số loài và số lượng 1 loài/chi có 136 chi chiếm 71,58% tổng số loài.

Trong tổng số 13 họ có số loài nhiều nhất có một số loài có tiềm năng khai thác trong tự nhiên như: Cỏ mực (*Eclipta prostrata* (L.) L.), Tràm bông trắng (*Melaleuca cajuputi* Powell), Đình lịch (*Hygrophila ringens* (L.) R. Br. ex Spreng.), Muồng trâu (*Senna alata* (L.) Roxb.), Thảo quyết minh (*Senna tora* (L.) Roxb.), É lớn tròng (*Hyptis suaveolens* (L.) Poit.), Vọng cách (*Premna serratifolia* L.), Ô rô (*Acanthus ebracteatus* Vahl)… Ở huyện U Minh Hạ có 3 loại cây thuốc đã được người khai thác và chế biến thành một số đặc sản như rượu Vác được làm từ quả Dây vác (*Cayratia trifolia* (L.) Domin) dùng làm thức uống có tác dụng chống oxi hóa, giải độc, hay người dân cũng thu đọt dây Choại (*Stenochlaena palustris* (Burm. f.) Bedd.) và Bồn bồn (*Typha domingensis* Pers.) làm thực phẩm vừa làm thuốc. Một số loài đang được trồng và có thể phát triển vùng trồng nguyên liệu phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở đây như: Đinh lăng (*Polyscias fruticosa* (L.) Harms), Nghệ vàng (*Curcuma longa* L.), Hương nhu tía (*Ocimum tenuiflorum* L.), Bụp vang (*Abelmoschus moschatus* Medik.), Rau đắng đất (*Glinus oppositifolius* (L.) Aug.DC.), Nhàu (*Morinda citrifolia* L.), Sả chanh (*Cymbopogon citratus* (DC.) Stapf)…

3.3. Sự phong phú về dạng sống

Với 6 dạng sống được phân loại điều này cho thấy tại VQG U Minh Hạ có hệ thực vật được dùng làm thuốc khá đa dạng và phong phú thể hiện qua kết quả thống kê hình 2.

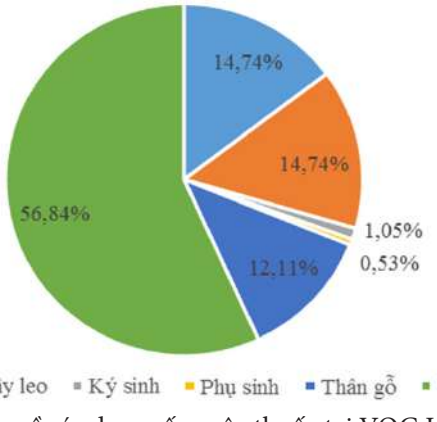

Hình 2. Đa dạng về các dạng sống cây thuốc tại VQG U Minh Hạ

Như vậy, cây thuốc tại Vườn Quốc Gia U Minh Hạ chủ yếu là cây thân cỏ/thân thảo 108 loài (56,84 %); nhóm cây thân leo và nhóm cây bụi trườn với số loài bằng nhau là 28 loài (14,74 %); nhóm cây thân gỗ 23 loài (12,11 %) và nhóm thực vật phụ sinh 2 loài (1,05%) và ký sinh chiếm tỉ lệ thấp nhất là 1 loài (0,53%).

3.4. Đa dạng các bộ phận sử dụng cây thuốc tại vườn Quốc gia U Minh Hạ

Mỗi cây thuốc đều có một hoặc vài công dụng khác nhau tùy vào tri thức sử dụng của các cộng đồng dân tộc sẽ có phương pháp thu hái và chế biến dược liệu để dùng độc vị hoặc phối hợp với các vị khác nhau tạo nên các bài thuốc hay có tác dụng mạnh trong việc phòng và điều trị bệnh. Nhưng để phát huy và tận dụng dược chất có trong từng loài cây thuốc thì việc sử dụng bộ phận nào của cây thuốc cũng khá quan trọng, một loài có thể dùng toàn cây hoặc chỉ lấy phần rễ, phần lá, hoa hay quả… Qua đó thấy được mức độ phong phú và đa dạng trong cách sử dụng thuốc ở nước ta. Với số lượng 190 loài cây thuốc phân bố tại VQG U Minh Hạ nhóm nghiên cứu đã tra cứu công dụng, thống kê bộ phận sử dụng của từng loài và chia thành 6 bộ phận sử dụng chính: cả cây (H), hoa/quả/hạt (F), thân/vỏ (St), lá/cành (L), rễ/rễ củ, củ (R) và nhựa/mủ (Lt).

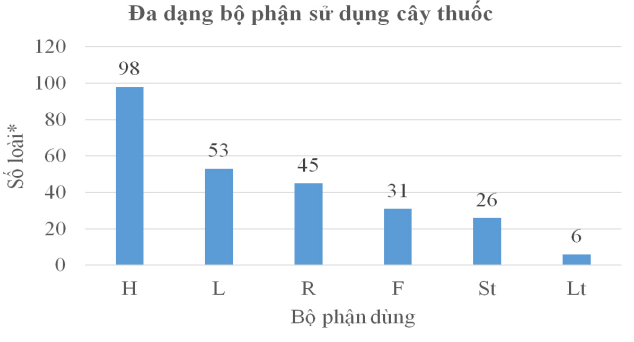

Hình 3. Đa dạng bộ phận sử dụng cây thuốc tại VQG U Minh Hạ

** Ghi chú: Một loài có thể sử dụng 1 đến nhiều bộ phận khác nhau.*

Hình 3 cho thấy dùng cả cây có số lượng loài nhiều nhất với 98 loài chiếm 51,58% tổng số loài. Tiếp theo là sử dụng lá/cành có 53 loài chiếm 27,89% tổng số loài, sử dụng dùng rễ/rễ củ có 45 loài chiếm 23,68%. Sử dụng hoa/quả/hạt có 31 loài chiếm 16,32%, thân/vỏ có 26 loài chiếm 13,68% và thấp nhất là sử dụng nhựa mủ 6 loài, chiếm 3,16% trên tổng số loài.

3.5. Đa dạng nhóm bệnh của các cây thuốc tại vườn Quốc gia U Minh Hạ

Mỗi cây thuốc có thể có nhiều công dụng khác nhau tùy thuộc vào tri thức bản địa và kinh nghiệm sử dụng dược liệu để chữa bệnh, sẽ lựa chọn bộ phận sử dụng phù hợp đối với mỗi loại cây thuốc phối hợp với các vị thuốc khác nhau để làm tăng hiệu quả trong quá trình điều trị bệnh. Vì vậy, việc phân loại các nhóm bệnh của từng cây thuốc đã ghi nhận tại VQG U Minh Hạ rất cần thiết nhằm đánh giá mức độ phong phú về công dụng của từng loài, 20 nhóm bệnh dùng phân loại cho 197 cây thuốc đã ghi nhận được dựa vào nguồn tài liệu của Đỗ Tất Lợi (2006) kết quả phân tích thể hiện rõ ở bảng 4.

Bảng 4. Đa dạng nhóm thuốc chữa bệnh của các cây thuốc tại VQG U Minh Hạ

STT	Nhóm bệnh	Số loài*	Tỉ lệ %
1	Bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu	110	57,89
2	Bệnh ngoài da	85	44,74
3	Bệnh về đường hô hấp	72	37,89
4	Bệnh về đường tiêu hoá	51	26,84
5	Bệnh phụ nữ	48	25,26
6	Bệnh về mắt, tai, mũi, họng, răng	46	24,21
7	Bệnh đau đầu, cảm, sốt	41	21,58
8	Bệnh tê thấp, đau nhức, xương khớp	30	15,79
9	Nhóm cây giải độc	30	15,79
10	Bệnh lỵ	25	13,16
11	Trị giun, sán	20	10,53
12	Thuốc ngủ, an thần, thần kinh	17	8,95
13	Cầm máu	16	8,42
14	Nhuận tràng	16	8,42
15	Bị động vật cắn	16	8,42
16	Thuốc bổ dưỡng	16	8,42
17	Bệnh huyết áp	7	3,68
18	Bệnh dạ dày	6	3,16
19	Bệnh tim mạch	5	2,63
20	Bệnh lây qua đường sinh dục	5	2,63

** Ghi chú: Một loài có 1 đến nhiều giá trị sử dụng khác nhau.*

Trong 20 nhóm bệnh thì nhóm cây thuốc chữa các bệnh về gan, thận, mật và đường tiết niệu chiếm số lượng loài cao nhất 110 loài (57,89%), kế đến nhóm chữa bệnh ngoài da có 85 loài (44,74%) và nhóm chữa bệnh đường hô hấp chiếm 72 loài (37,89%) đây là 3 nhóm bệnh có số lượng cây thuốc nhiều nhất. 3 nhóm bệnh có số cây thuốc ít nhất trong 20 nhóm lần lượt là nhóm chữa bệnh dạ dày 6 loài (3,16%), nhóm tim mạch và nhóm các bệnh lây qua đường tình dục có cùng 5 loài chiếm 2,63%.

IV. KẾT LUẬN

- Nghiên cứu điều tra tại VQG U Minh Hạ đã xác định được 190 loài thực vật có giá trị làm thuốc thuộc 160 chi, 75 họ, thuộc hai ngành thực vật bậc cao có mạch đó là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 68 họ, chiếm 90,67%; 152 chi, chiếm 95% và 182 loài, chiếm 95,8% so với tổng số họ, chi, loài cây thuốc đã điều tra. Có 42 họ một loài, 20 họ có 2 - 4 loài, 11 họ có từ 5 - 7 loài, và 2 họ trên 10 loài. Số lượng 1 loài/chi có 136 chi, 2 loài/chi có 16 chi và cao nhất 3 loài/chi chỉ có 7 chi.

- Đã ghi nhận 6 dạng sống của cây thuốc. Trong đó, thân thảo 108 loài chiếm 56,84 %, dây leo và cây thân bụi chiếm số loài bằng nhau là 28 loài chiếm 14,74 %, thân gỗ 23 loài chiếm 12,11 %, ký sinh 2 loài chiếm 1,05% và phụ sinh là 1 loài chiếm 0,53%.

- Trong 6 nhóm bộ phận của cây thuốc có 2 bộ phận được thu hái và sơ chế nhiều nhất là dùng toàn cây và lá/cành có số lượng loài lần lượt là 98 loài chiếm 51,58% và 53 loài chiếm 27,89% tổng số loài, hai bộ phận chiếm số loài ít nhất là thân/vỏ 26 loài chiếm chiếm 13,68% và nhựa mủ 6 loài chiếm 3,16% tổng số loài.

- Các loài cây thuốc tại đây có khả năng điều trị 20 nhóm bệnh khác nhau trong đó 3 nhóm bệnh được chữa trị có số lượng loài nhiều nhất là nhóm thuốc chữa bệnh về gan, thận, mật và đường tiết niệu 110 loài, kế đến nhóm chữa bệnh ngoài da có 85 loài và nhóm chữa bệnh đường hô hấp chiếm 72 loài.

- Khẳng định sự hiện hiện của loài Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) và Kỳ nam kiến (*Hydnophytum formicarum* Jack.) được ghi nhận có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài Lõi tiền (*Stephania longa* Lour.) nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP thuộc nhóm IIA hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại cho Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

- Những dẫn liệu của đề tài sẽ là cơ sở định hướng cho công tác bảo tồn nguyên vị (*In-situ* như khoanh vùng, gắn mã số quản lý, lập khu bảo vệ nghiêm ngặt nhằm bảo tồn an toàn các nguồn gen đặc trưng, quý hiếm, có giá trị y học. Bảo tồn chuyển vị (Ex-situ) như cần quy hoạch xây dựng một vườn bảo tồn tập trung các cây thuốc quý hiếm, đặc trưng và có giá trị nhằm giới thiệu, trao đổi nghiên cứu và đào tạo giữa các đơn vị với nhau… góp phần phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc cho VQG U Minh Hạ phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe và đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện từ sự tài trợ kinh phí của chương trình Tây Nam Bộ để thực hiện đề tài: "Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ [TNB.ĐT/14-19/C16]". Các tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Chỉ đạo chương trình Tây Nam Bộ, UBND Tỉnh, Sở, Hội Đông Y tỉnh Cà Mau, Vườn Quốc Gia U Minh Hạ và người dân địa phương đã tạo điều kiện và hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện khảo sát nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Huy Bích, 2013. *Cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt nam*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, T. I & T. II (2004), T. III (2013).

Bộ Khoa học và công nghệ, 2007. *Sách đỏ Việt Nam*, phần II: Thực vật. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.

Bộ Khoa học và công nghệ, 2007. *Danh lục đỏ Việt Nam*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.

Võ Văn Chi, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học TP. HCM.

Chính phủ, 2019. Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán Quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000. *Cây cỏ Việt Nam*. NXB. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, Quyển I, II, III.

Đỗ Tất Lợi, 2006. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. NXB Y học.

Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nxb Đại học Quốc gia. Hà Nội.

Viện Dược liệu, 2016. *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. NXB Khoa học & Kỹ thuật.

Viện Dược liệu, 2006. *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

The Plant List, 2020. Địa chỉ: http://www.theplantlist.org/ ; truy cập 31/6/2020.

Diversity of medicinal plant resources in U Minh Ha national park

Tran Thi Lien, Ly Ngoc Sam, Cao Ngoc Giang,
Tran Minh Ngoc, Ngo Thi Minh Huyen, Nguyen Minh Hung,
Nguyen Xuan Truong, Le Duc Thanh, Hoang Thi Nhu Nu

Abstract

U Minh Ha National Park is one of the remaining types of alum, peat swamp forests and is recognized as one of the three high - priority wetland conservation areas in the Mekong Delta. The ecosystem is quite diverse, so this is the habitat of wild animals and many plant species, including medicinal ones. The survey results recorded 190 medicinal plants belonging to 160 genera, 75 families, 2 division of vascular plants as Pteridophyta and Magnoliophyta. The two richest families with 18 species (9.47%) and 12 species (6.32%), respectively are Compositae and Leguminosae. The life-form of medicinal plants is divided into six groups, most of them belong to herb with 108 species (56.84%). Among the parts used for medicines, the whole plant is most used with 98 species (51.58%). The group of medicines for treating diseases of liver, kidney, bile, urinary tract has the most species (110 species). Two medicinal plant species listed in the "Vietnam Red Book" (2007) are *Elaeocarpus hygrophilus* Kurz at endangered level (VU A2c, B1 + 2a, b) and *Hydnophytum formicarum* Jack. at endangering level (EN Alb, d, Bl + 2b, e); a species (*Stephania longa* Lour.) included in the Government Decree No 06/2019/ND-CP is belonged to group IIA restricted from exploitation and use for commercial purposes.

Keywords: Diversity of medicinal plant, medicinal materials, U Minh Ha National Park

Ngày nhận bài: 04/7/2020
Ngày phản biện: 12/7/2020
Người phản biện: TS. Bùi Văn Thanh
Ngày duyệt đăng: 23/7/2020

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC Ở VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Cao Ngọc Giang[1], Trần Thị Liên[1], Lý Ngọc Sâm[2],
Trần Minh Ngọc[1], Ngô Thị Minh Huyền[1], Nguyễn Minh Hùng[1],
Nguyễn Xuân Trường[1], Lê Đức Thanh[1], Hoàng Thị Như Nụ[1]

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, Kiên Giang. Kết quả điều tra đã xác định được 924 loài thực vật có giá trị làm thuốc, thuộc 463 chi, 128 họ thuộc 6 ngành thực vật bậc cao có mạch (Psilotophyta, Lycopodiophyta, Equsetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta). Trong đó, ngành Ngọc lan là đa dạng nhất chiếm 95% tổng số loài. Có 6 dạng sống chính của cây thuốc được ghi nhận, và nhóm cây thân gỗ chiếm tỷ lệ cao nhất đến 48%. Các bộ phận sử dụng của cây thuốc được chia thành 6 nhóm (thân/vỏ, lá/cành, rễ/rễ củ, cả cây, hoa/quả/hạt và nhóm nhựa/mủ), trong đó nhóm thân/vỏ và lá/cành được sử dụng nhiều nhất chiếm từ 31% đến 35%. Các kết quả cũng cho thấy có 20 nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc, trong đó bệnh ngoài da, đường tiêu hóa, và gan, thận, mật và tiết niệu là 3 nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất từ 26% đến 34%. 48 loài cây thuốc bị đe dọa có giá trị bảo tồn cao trong khu vực nghiên cứu, trong đó 23 loài trong Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) và 25 loài trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.

Từ khóa: Cây thuốc, đa dạng, Vườn Quốc gia Phú Quốc, Kiên Giang

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia (VQG) Phú Quốc nằm về phía Đông bắc đảo Phú Quốc, trải dài từ 10°12'07" đến 10°27'02" vĩ Bắc và từ 103°50'04" đến 104°04'40" kinh Đông, thuộc địa phận của các xã Gành Dầu, Bãi Thơm, Cửa Cạn, và một phần của xã Dương Đông, Dương Tơ, cửa Dương và Hàm Ninh, với tổng diện tích tự nhiên 29.625 ha. Do nằm trong vùng khí hậu đới gió mùa, thảm thực vật VQG Phú Quốc được bao phủ bởi 3 hệ sinh thái rừng chính là hệ sinh thái rừng rậm cây lá rộng mưa ẩm nhiệt đới, hệ sinh thái rừng úng phèn, và hệ sinh thái rừng ngập mặn, tạo

[1] Viện Dược liệu; [2] Viện Sinh học Nhiệt đới